

Bản án số: 446/2023/DS-PT

Ngày 13-7-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
hứa thưởng và đòi tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khương;

*Các Thẩm phán:* Lê Văn An và ông Trần Văn Mười.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số:145/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng hứa thưởng và đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1650/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Đỗ Đan T, sinh năm 1948; Địa chỉ: A, Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Anh T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: I L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc C – Luật sư Công ty L2 Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Vắng mặt)

***- Bị đơn:***

1. Ông Đỗ Tường T2, sinh năm 1950; Địa chỉ: C S G #1105 H, T, USA (Hoa Kỳ) (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1974; Địa chỉ liên hệ: E N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Ông Trịnh Á, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ liên hệ: Số A, đường E, khu dân cư S, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1970; Địa chỉ: 8 P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: 26 Lầu D P, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số 039917 ngày 16/10/2018 và 26/10/2018 tại Văn phòng C1). Người được ủy quyền lại theo Hợp đồng ủy quyền số 010447 ngày 24/12/2019 tại Văn phòng C2: Ông Trần Đình H, sinh năm 1994; Địa chỉ liên hệ: 17 đường E, KDC số 1-143ha, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Lê Mạnh T3, sinh năm 1995; Địa chỉ liên hệ: 20/1, Nguyễn Trường T4, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Đều vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Lệ T5, sinh năm 1952; Địa chỉ liên hệ: A Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vợ của ông Đỗ Đan T) (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Anh T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: I L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Đỗ Đan T trình bày:*

Trước đây, ông Đỗ Đan T là bị đơn trong vụ án “Tranh chấp thừa kế” do ông Đỗ Tường T2 khởi kiện. Trong vụ án này ông T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ủy quyền cho ông Trịnh Ân tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án và cả trong giai đoạn thi hành án. Trong quá trình giải quyết vụ án thừa kế, hai bên đã thỏa thuận được việc giải quyết và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 202/2018/QĐST-DS ngày 13/02/2018. Nội dung thỏa thuận là ông Đỗ Đan T và vợ là bà Trần Lệ T5 được nhận toàn bộ tài sản tranh chấp và có nghĩa vụ thanh toán số tiền 27 tỷ đồng. Vào ngày 12/02/2018, trước khi quyết định công nhận thỏa thuận được ban hành, căn cứ theo thỏa thuận của hai bên và để làm tin cho thiện chí sẽ thực hiện theo thỏa thuận, ông T và bà T5 đã thanh toán trước số tiền 2 tỷ đồng. Đến ngày 02/05/2018, ông T2 có về Việt Nam để nhận khoản tiền 25 tỷ còn lại. Tuy nhiên do ông T chưa chuẩn bị được số tiền này nên hai bên có thỏa thuận lại sẽ thanh toán ngay số tiền 2 tỷ, còn 23 tỷ còn lại hạn chót thanh toán là ngày 18/06/2018. Việc giao nhận tiền có lập Vi bằng tại Văn phòng Thừa phát lại Quận B và có sự đồng ý của ông T2, thời điểm này ông T2 đã về Việt Nam nhưng do đã ủy quyền toàn bộ cho ông Ân nên chỉ ông Ân ký nhận tiền tại Văn phòng Thừa phát lại.

Sau ngày 05/05/2018, ông T mới nhận được văn bản thông báo hủy việc ủy quyền cho ông Ân ký ngày 03/05/2018 và yêu cầu ông T thanh toán tiền trực tiếp cho ông T2. Hiện nay tại Cơ quan thi hành án, ông T và bà T5 muốn tiếp tục thanh toán số tiền 23 tỷ còn lại nhưng ông Đỗ Tường T2 không đồng ý khấu trừ số tiền 4

tỷ đồng do ông Á đã nhận theo ủy quyền mà buộc phải thanh toán đủ số tiền 27 tỷ đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 202/2018/QĐST-DS. Vì cần phải giải tỏa tài sản, nên ngoài số tiền 04 tỷ đồng đã giao cho ông Á, ông T và bà T5 đã đến Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nộp thêm số tiền 27 tỷ đồng để thi hành án cho ông T2. Như vậy, tổng số tiền ông T và bà T5 đã thanh toán cho ông T2 là 31 tỷ đồng, dư 04 tỷ đồng.

Ngày 15/8/2018, ông Trịnh Á là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Đỗ Tường T2 tiếp tục thực hiện hợp đồng hứa thưởng với số tiền còn lại là 9.500.000.000 đồng. Ngày 29/7/2020, bên ông Á rút lại yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Do ông T2 là bị đơn không có yêu cầu phản tố; Ông Đỗ Đan T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên ngày 05/5/2021 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo thay đổi địa vị tố tụng số 4690/TA-TB ngày 05/5/2021 xác định ông T thành nguyên đơn, còn ông T2 và ông Á thành bị đơn.

Nay, nguyên đơn ông Đỗ Đan T có yêu cầu ông Đỗ Tường T2 và ông Trịnh Á phải liên đới hoàn trả cho ông T số tiền 4.000.000.000 đồng mà ông T đã thanh toán cho ông Trịnh Á là người đại diện theo ủy quyền của ông T2 tại thời điểm giao tiền.

*Bị đơn ông Đỗ Tường T2 trình bày:*

Ngày 22/9/2014, ông Đỗ Tường T2 có viết tay Giấy ủy quyền cho ông Trịnh Á theo yêu cầu ông Á, với nội dung: ông Á đại diện ký các giấy tờ liên quan đến vụ án, thi hành án, đồng ý trích 50% số tiền chi trả cho những người có tên sau đây: Để ông Trịnh Á thay mặt thanh toán các khoản chi phí, dịch vụ giấy tờ, trích thưởng. Ông Á có trách nhiệm bàn giao lại đầy đủ số tiền 50% còn lại trên tổng số 60.000.000.000 đồng ước tính.

Giấy ủy quyền này chỉ được công chứng viên Tiểu bang tại Hoa Kỳ chứng thực chữ ký cho ông T2, không có dấu hợp pháp hóa lãnh sự của cơ quan lãnh sự Việt Nam có thẩm quyền tại nước ngoài chứng nhận, nên không hợp lệ theo luật pháp Việt Nam, hơn nữa nội dung ủy quyền không phù hợp.

Ông T có giao hai lần tiền cho ông Trịnh Á với tổng số tiền 4.000.000.000 đồng là tiền thi hành án từ vụ án trên, nhưng trong giấy ủy quyền không có nội dung nào ông T2 ủy quyền cho ông Á nhận tiền thi hành án của ông T, nên đây là lỗi của ông T, ông T tự gánh chịu và tự giải quyết hậu quả với ông Trịnh Á. Nên ông T yêu cầu Cơ quan thi hành án phong tỏa số tiền 4.000.000.000 đồng là không hợp lý.

Vì vậy, ông Đỗ Tường T2 không đồng ý trừ 4.000.000.000 đồng từ tiền được chia thừa kế mà ông Đỗ Đan T đã tự ý giao cho ông Trịnh Á.

*Bị đơn ông Trịnh Á trình bày:*

Theo Giấy ủy quyền số 004613 ngày 25/10/2010 do Văn phòng C3, có nội dung: ông Trịnh Á được ông Đỗ Tường T2 ủy quyền thực hiện liên hệ với Tòa án nhân dân các cấp để giải quyết vụ kiện “Tranh chấp đòi nhà” và liên hệ với cơ quan thi hành án khi bản án có hiệu lực thi hành.

Ngày 22/9/2014, ông T2 có gửi một Giấy ủy quyền viết tay có công chứng của Tiểu bang tại Hoa Kỳ cho ông Á, văn bản này có nội dung: Ông T2 hứa thưởng cho ông Á 50% số tiền mà ông T2 nhận được sau khi vụ kiện hoàn tất và kèm theo một bức thư khác.

Đến ngày 05/02/2018, ông Á đại diện cho ông T2 đã giải quyết hòa giải thành tại Tòa án. Ngày 13/02/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số: 202/2018/QĐST-DS và tại khoản 3, mục II của quyết định này có ghi nhận “Ông Đỗ Đan T và bà Trần Lệ T5 tự nguyện liên đới giao 27.000.000.000 đồng (hai mươi bảy tỷ đồng) trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 05/2/2018 cho ông Đỗ Tường T2, ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thái L, bà Đỗ Ngọc A, ông Đỗ Trọng V, ông Đỗ Khoa H1 giá trị phần di sản mà các ông bà nói trên được hưởng trong khối di sản mà ông D và bà L1 để lại”.

Ngày 12/02/2018 và ngày 02/5/2018 ông Á đã nhận từ ông T số tiền 4.000.000.000 đồng. Nên ông giữ lại để trừ vào 50% số tiền mà ông T2 hứa thưởng cho ông Á. Ngoài ra, ông Á còn cho rằng công việc giữa ông và ông T2 sắp được hoàn thành và ông Á sẽ nhận được khoản tiền thưởng còn lại là 9.500.000.000 đồng.

Đến ngày 03/5/2018, khi quyết định trên còn chưa được thực hiện thì ông T2 đã đến Văn phòng C3 lập văn bản hủy bỏ giấy ủy quyền số 004613 mà trước đây ông T2 đã ủy quyền cho ông Á và cắt đứt liên lạc với ông Á. Hành động này của ông T2 cho thấy ông T2 đã bội tín, không có ý định tiếp tục thực hiện hợp đồng hứa thưởng 50% cho ông Á như đã hứa.

Do đó, ông Á khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Tường T2 tiếp tục thực hiện hợp đồng hứa thưởng với số tiền còn lại là 9.500.000.000 đồng.

Ngày 29/7/2020, ông Trịnh Á có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Mạnh T3 và ông Trần Đình H có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Nay, ông Trịnh Á đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đan T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Lệ T5 trình bày:*

Bà T5 là vợ của ông Đỗ Đan T, thống nhất với ý kiến của T, không trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 657/2022/DSST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đan T: Buộc ông Đỗ Tường T2 và ông Trịnh Á phải liên đới hoàn trả cho ông T số tiền 4.000.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Trịnh Á về yêu cầu ông Đỗ Tường T2 tiếp tục thực hiện hợp đồng hứa thưởng với số tiền còn lại là 9.500.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 01/6/2022, bà Võ Thị Hồng N là người đại diện được bị đơn ông Do Tuong T6 (Đỗ Tường T2) ủy quyền có Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông Đỗ Tường T2 cùng ông Trịnh Á phải liên đới hoàn trả cho ông T số tiền 4.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị Hồng N là người đại diện được ông Đỗ Tường T2 ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Hồng N là người đại diện được ông Đỗ Tường T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo ngày 01/6/2022 của bà Võ Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Do Tuong T6 (Đỗ Tường T2) là trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

\* Về nội dung:

[2]. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của ông Huỳnh Anh T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Đan T, và bà Võ Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Tường T2 đều xác định nội dung: Ông Đỗ Đan T là bị đơn trong vụ án “Tranh chấp thừa kế” mà ông Đỗ Tường T2 là nguyên đơn khởi kiện. Do ông T2 không thể trực tiếp tham gia vụ kiện nên đã ký Giấy ủy quyền được lập ngày 25/10/2010, số công chứng: 004613 Quyển 01.TP/CC-SCC/UQ được Văn phòng C4 thể hiện nội dung: *ông Do Tri T7 (Đỗ Tường T2) ủy quyền cho ông Trịnh Á được tham gia tố tụng*

cho đến khi kết thúc vụ án và cả giai đoạn thi hành án; ngoài ra Giấy ủy quyền ngày 22/9/2014, được chứng thực chữ ký tại Hoa Kỳ của ông Đỗ Tường T2 cũng có nội dung: *ông T2 ủy quyền cho ông Trịnh Ân k các giấy tờ liên quan đến vụ án và tiến hành các thủ tục thi hành án.* Sau khi có Biên bản hòa giải thành, nhưng chưa có Quyết định công nhận thỏa thuận được ban hành, thì ngày 12/02/2018 vợ chồng ông T và bà T5 đã giao cho ông Á số tiền 2.000.000.000đ (02 tỷ đồng). Đến ngày 13/02/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 202/2018/QĐST-DS. Vào ngày 02/05/2018, tại Văn phòng Thừa phát lại quận B, vợ chồng ông T và bà T5 đã giao tiếp cho ông Á thêm số tiền 2.000.000.000đ (02 tỷ đồng), việc giao nhận tiền có lập vi bằng. Hai bên còn thỏa thuận về số tiền 23.000.000.000đ (23 tỷ) còn lại ông T và bà T5 sẽ trả vào hạn chót là ngày 18/06/2018. Ngày 03/05/2018, ông T2 đã đến Văn phòng C3 để làm văn bản hủy Giấy ủy quyền được lập ngày 25/10/2010, số công chứng: 004613 với ông Á. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, các tình tiết tên được đương sự thừa nhận là sự thật nên không phải chứng minh.

[3]. Phía ông T2 cho rằng: Các văn bản ủy quyền do ông T2 ký ủy quyền cho ông T, chỉ có nội dung ủy quyền thi hành án, mà không có nội dung ủy quyền cho ông Á nhận tiền thi hành án. Còn phía ông T thì cho rằng: Ông T2 ủy quyền cho ông Á về thi hành án là bao gồm cả việc nhận tiền thi hành án.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 562 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: *“Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Khoản 1 Điều 52 của Luật Thi hành án Dân sự, quy định về kết thúc thi hành án như sau: *“Đương sự đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình”*. Do đó, có căn cứ để xác định việc ông T2 ủy quyền cho ông Á về “Thi hành án” là bao gồm tất cả các thủ tục thi hành án cho đến khi ông T trả đủ cho ông T2 toàn bộ số tiền 27 tỷ đồng đã được ghi nhận tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 202/2018/QĐST-DS ngày 13/02/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ông T đã giao cho ông Á với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông T2 số tiền 04 tỷ đồng, nhưng ông T2 không đồng ý việc ông Tâm g cho ông Á 04 tỷ đồng nêu trên, từ đó ông T2 yêu cầu ông T và bà T5 phải giao đủ 27 tỷ đồng cho ông. Vì cần phải giải tỏa tài sản, nên ông T và bà T5 đã đến Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nộp thêm số tiền 27 tỷ đồng để thi hành án cho ông T2. Như vậy, tổng số tiền ông T và bà T5 đã thanh toán cho ông T2 là 31 tỷ đồng, dư 04 tỷ đồng. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm tuyên buộc ông Đỗ Tường T2 và ông Trịnh Á phải liên đới hoàn trả cho ông Đỗ Đan T số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) là có căn cứ pháp luật. Vì vậy kháng cáo của bà Võ Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Tường T2 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Anh T1 là người được bà Trần Lê T5 ủy quyền, trình bày: bà T5 với ông T là vợ chồng và số tiền 4.000.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc ông T2 và ông A liên đới trả lại cho ông T số tiền 4.000.000.000 đồng, mà không đề cập đến bà T5 là có thiếu sót. Tuy nhiên, ông T1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, nếu sau này ông T và bà T5 có tranh chấp về số tiền nêu trên bà T5 sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà Võ Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Tường T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Đỗ Tường T2 (Do Tuong T6) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Bởi các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Tường T2 (Do Tuong Tri).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 657/2022/DSST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các Điều 166, Điều 562 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 52 của Luật Thi hành án Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đan T về “Tranh chấp hợp đồng hứa thưởng và đòi tài sản”.

2. Buộc ông Đỗ Tường T2 (Do Tuong Tri) và ông Trịnh A phải liên đới hoàn trả cho ông Đỗ Đan T số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ Việt Nam đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Đỗ Tường T2 (Do Tuong Tri) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002472 ngày 21/6/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (8);
- Lưu VP(3), HS(2).20b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Khương**